

Bản án số: 18/2026/HS - ST
Ngày 10/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Biên

2. Bà Lục Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLST- HS ngày 04/5/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST- HS ngày 27/5/2026 đối với bị cáo:

Ma Văn H (tên gọi khác không); sinh ngày 02 tháng 11 năm 1981; nơi cư trú: Thôn 3, xã C, tỉnh Thái Nguyên; CCCD số: 006081003559, cấp ngày 09/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn H và con bà Hà Thị T; vợ: Hoàng Thị H, con: 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2026 đến ngày 29/4/2026, có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Trọng H – Phó Trưởng phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Văn T; sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thái

Nguyên.

2. Ông Lầu A T1; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà Hầu Thị M; sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Thào Thị D; sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

5. Bà Hoàng Thị H; sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 3, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/12/2025, Hạt kiểm lâm số 8 – Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên thực hiện tuần tra, kiểm tra tại khu rừng có địa danh K thuộc thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên phát hiện một đám rừng tự nhiên bị phát phá trái phép. Ngày 23/12/2026, Hạt kiểm lâm số 8 - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên phối hợp với các lực lượng chức năng và những người có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường khu vực rừng bị phát phá rừng trái phép. Qua khám nghiệm xác định: Vị trí rừng bị phát phá trái pháp luật thuộc lô 60, khoảnh 2, tiểu khu 307 thuộc thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên; Diện tích rừng bị phát phá trái phép là 14.450m² (mười bốn nghìn bốn trăm năm mươi mét vuông); Số lâm sản bị thiệt hại gồm: 16 (mười sáu) cây gỗ tự nhiên đã bị chặt hạ còn nguyên thân, cành, ngọn có tổng khối lượng là 2,208m³ (hai phẩy hai không tám mét khối) và 2.167 (hai nghìn một trăm sáu mươi bảy) cây vầu bị chặt hạ. Toàn bộ số cây gỗ và cây vầu bị phát phá còn nguyên tại hiện trường, cành lá đã khô.

Tiến hành xác minh, Hạt kiểm lâm số 8 - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên xác định khu vực rừng bị phát phá là của Ma Văn H, sinh năm 1981 và vợ là bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981, cùng trú tại thôn 3, xã C, tỉnh Thái Nguyên được Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIII tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA03061521 ngày 31/7/2025. Qua làm việc, Ma Văn H thừa nhận được thuê người phát phá khu vực rừng nêu trên với mục đích để trồng cây phát triển kinh tế.

Ngày 08/01/2026, Hạt kiểm lâm số 8 - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên đã chuyển nguồn tin về tội phạm nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục giải quyết theo quy định.

Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định khu vực rừng bị phát phá thuộc Lô 60, khoảnh 2, tiểu khu 307 theo Bản đồ Quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất ban hành kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày

24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Loại rừng là rừng tự nhiên, chức năng là rừng sản xuất; Trạng thái rừng là rừng tự nhiên hỗn giao ký hiệu HG2.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định được như sau: Khoảng đầu tháng 11/2025, Ma Văn H liên hệ với Hoàng Văn T, sinh năm 1975, trú tại thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên (là người dân tộc Mông hay đi phát rừng thuê) để hỏi thuê T phát dọn khu vực rừng của H có địa danh K thuộc thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên với diện tích khoảng 2,6ha (Héc-ta) thì được T đồng ý. Ngày 12/11/2025, Hoàng Văn T có rủ thêm Hầu A T1, sinh năm 1960, trú cùng thôn với T cùng đến thôn T, xã Y để H dẫn vào khu rừng cần phát dọn xem có nhận làm hay không và thỏa thuận giá thuê phát dọn. Quá trình xem rừng H có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô rừng cần phát phá cho T, T1 xem và nói khu vực rừng nêu tên là của H, không có tranh chấp và cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc phát dọn rừng để T và T1 yên tâm phát dọn. Sau khi đi xem rừng, H và T thống nhất tổng diện tích rừng cần phát dọn là khoảng 2,6ha (Héc-ta) bao gồm: Khu vực rừng chưa trồng cây tiếp giáp với phần đất rừng đã trồng cây gỗ Mỡ có diện tích khoảng 1,4ha (Héc-ta) và khu vực rừng đã trồng cây Bồ đề có diện tích khoảng 1,2ha (Héc-ta). Tổng số tiền công phát dọn là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Đến ngày 22/11/2025, T, T1 cùng vợ của Tu là Hầu Thị M, sinh năm 1975 và vợ của T1 là Thảo Thị D, sinh năm 1962, cùng trú tại thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên đến khu rừng của H tại thôn T, xã Y để thực hiện việc phát, dọn rừng theo thỏa thuận. Khi đó, H cũng có mặt tại rừng và trực tiếp viết hợp đồng thuê phát dọn giữa H và T vào quyển sổ tay có bìa màu đen của H. Trong nội dung hợp đồng, ngoài thỏa thuận số tiền công phát dọn và phương thức thanh toán, Huấn còn ghi cam kết: “Trong quá trình phát dọn ông H có trách nhiệm chịu hoàn toàn trách nhiệm trong quá trình phát dọn với các bên liên quan”. Do T, T1, M, D không biết chữ nên H có đọc lại nội dung hợp đồng và cam kết cho T, T1, M, D nghe. Mục đích H cam kết như trên là để T, T1, M, D yên tâm phát dọn rừng cho H. Đồng thời, H tạm ứng tiền thuê phát dọn bằng tiền mặt cho T với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và nói với T là phát phần rừng có diện tích khoảng 1,4ha (Héc-ta) trước, khi nào xong thì mới phát phần rừng đã trồng cây Bồ đề có diện tích 1,2ha (Héc-ta). Sau đó, T cùng những người phát rừng thuê sử dụng dao bắt đầu phát rừng còn H đi về nhà.

Ngày 29/11/2025, H tiếp tục vào khu vực rừng thuê phát dọn để kiểm tra tiến độ phát dọn thì thấy những người được thuê phát dọn đã phát gần xong khu vực rừng có diện tích 1,4ha (Héc-ta). Lúc đó, H có đưa thêm cho T số tiền tạm ứng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngày 01/12/2025, do biết thông tin khu vực rừng của H bị Hạt Kiểm lâm số 8 kiểm tra nên H đã yêu cầu những người được

thuê phát dọn dừng việc phát dọn rừng. Đến ngày 10/12/2025, H đã trả thêm cho T số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) là tiền công thuê phát dọn khu vực rừng có diện tích 1,4ha (Héc-ta) nêu trên.

Ngày 18/3/2026, Cơ quan điều tra phối hợp cùng với các lực lượng chức năng, mời chủ rừng là Ma Văn H và những người được thuê phát dọn là Hoàng Văn T, Hầu Thị M, Lầu A T1 và Thào Thị D cùng tham gia tiến hành xác định hiện trường và diện tích phát phá của từng người tại khu vực rừng bị phát phá trái phép. Kết quả xác định hiện trường vị trí rừng bị phát phá trái phép thuộc lô 60, khoảnh 2, tiểu khu 307 thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên; Xác định Hoàng Văn T thực hiện phát phá diện tích là 3.353m² (ba nghìn ba trăm năm ba mét vuông), Hầu Thị M phát phá diện tích là 3.928m² (ba nghìn chín trăm hai tám mét vuông), Lầu A T1 phát phá diện tích là 3.479m² (ba nghìn bốn trăm bảy mươi chín mét vuông), Thào Thị D phát phá diện tích là 3.690m² (ba nghìn sáu trăm chín mươi mét vuông).

Cơ quan điều tra đã tiến hành yêu cầu định giá đối với 16 (mười sáu) cây gỗ tự nhiên từ nhóm IV đến nhóm VIII, có tổng khối lượng là 2,208m³ và 2.167 cây vầu bị chặt hạ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 15/01/2026 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã Y, tỉnh Thái Nguyên kết luận: “16 (mười sáu) cây gỗ tự nhiên có tổng khối lượng là 2,208m³ và 2.167 cây vầu có giá trị là 2.905.400đ (hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm đồng)”.

Ngày 10/3/2026, Cơ quan điều tra có yêu cầu định giá tài sản số A1216/YC-CSKT gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã Y, tỉnh Thái Nguyên để xác định thiệt hại về môi trường rừng đối với khu vực rừng bị phát phá trái pháp luật. Ngày 23/3/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã Y, tỉnh Thái Nguyên có công văn số 02/HĐĐGTS về việc từ chối hồ sơ yêu cầu định giá tài sản với nội dung: Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã Y không đủ cơ sở để tiến hành định giá tài sản và từ chối định giá theo yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan điều tra.

Trong quá trình điều tra Ma Văn H tự nguyện nộp số tiền 2.905.400 đồng tại Thi hành án dân sự Thái Nguyên theo Biên lai thu tiền số: 0000374 ngày 13/4/2026 để bồi thường thiệt hại về lâm sản cho nguyên đơn dân sự.

* Về vật chứng của vụ án:

- Đối với: 01 (một) quyển sổ màu đen có bìa nhựa màu đen đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu S01, tạm giữ của Ma Văn H bên trong có ghi nội dung thỏa thuận thuê phát phá rừng giữa Ma Văn H và Hoàng Văn T, hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao phay có chiều dài 53cm, trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 26cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 6,3cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hoàng Văn T; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm có chiều dài 47cm (trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 28,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 18,5cm), bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 3,8cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hầu Thị M; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm có chiều dài 52,5cm, trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 27,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 4,8cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Lầu A T1; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm có chiều dài 49cm, trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 28cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 21cm, bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 3,3cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Thảo thị D. Tổng 04 (bốn) khoản, hiện đang bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

- Đối với số lâm sản bị thiệt hại gồm: 16 (mười sáu) cây gỗ rừng tự nhiên đã bị chặt hạ còn nguyên thân, cành, ngọn có tổng khối lượng là 2,208m³ (hai phẩy hai không tám mét khối) và 2.167 (hai nghìn một trăm sáu mươi bảy) cây vầu bị chặt hạ còn để lại tại hiện trường. Cơ quan điều tra đã bàn giao cho UBND xã Y, tỉnh Thái Nguyên bảo quản, quản lý theo quy định.

- Đối với tổng số tiền 16.000.000 đồng, là tiền công thuê phát dọn rừng Ma Văn H đã trả Hoàng Văn T, Lầu A T1, Hầu Thị M và Thảo Thị D. Hiện nay, số tiền này T, T1, M, D đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, đại diện nguyên đơn dân sự là ông Lê Trọng H – Phó Trưởng phòng kinh tế xã Y, tỉnh Thái Nguyên yêu cầu bị cáo Ma Văn H phải bồi thường thiệt hại về lâm sản theo kết luận định giá tài sản với số tiền là 2.905.400 đồng. Quá trình điều tra bị cáo Ma Văn H đã tự nguyện nộp số tiền 2.905.400 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Tại Cáo trạng số: 11/CT – VKSKV7 ngày 18/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Ma Văn H về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Ma Văn H phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Ma Văn H 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ma Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ma Văn H phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 2.905.400 đồng cho nguyên đơn dân sự để sung quỹ Nhà nước. Ghi nhận bị cáo tự nguyện nộp số tiền 2.905.400 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao phay, dao cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm, dao cũ đã qua sử dụng của Hầu Thị M; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm, dao cũ đã qua sử dụng của Lầu A T1; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm, dao cũ đã qua sử dụng của Thào Thị D.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ màu đen có bìa nhựa màu đen đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu S01, tạm giữ của Ma Văn H.

- Giao 16 (mười sáu) cây gỗ rừng tự nhiên đã bị chặt hạ còn nguyên thân, cành, ngọn có tổng khối lượng là 2,208m³ (hai phẩy hai không tám mét khối) và 2.167 (hai nghìn một trăm sáu mươi bảy) cây vầu bị chặt hạ còn để lại tại hiện trường (đang được Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên trông coi, quản lý) cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên xử lý theo quy định pháp luật.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Ma Văn Huân phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản bị hủy hoại với số tiền là 2.905.400đ (*hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm đồng*). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Ma Văn H khai nhận: Do cần lấy đất trồng cây để phát triển kinh tế gia đình nên vào khoảng thời gian từ ngày 22/11/2025 đến ngày 01/12/2025, Ma Văn H đã thuê Hoàng Văn T, Lầu A T1, Hầu Thị M và Thào Thị D sử dụng dao phát phá trái phép khu rừng thuộc Lô 60, khoảnh 2, tiểu khu 307 có tên địa danh là Kim M thuộc thôn T, xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Tổng diện tích rừng bị cáo phát phá trái phép là 14.450 m², số lâm sản bị thiệt hại gồm 16 cây gỗ tự nhiên từ nhóm IV đến nhóm VIII, có tổng khối lượng là 2.208 m³ và 2.167 cây vầu. Theo kết quả định giá tài sản tổng số lâm sản bị thiệt hại có giá trị 2.905.400đ (*hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm đồng*). Theo Bản đồ Quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất ban hành kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì khu vực rừng nêu trên là rừng tự nhiên, chức năng là rừng sản xuất. Trạng thái rừng là rừng tự nhiên hỗn giao ký hiệu HG2.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Hành vi phát phá trái phép rừng của bị cáo nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Cáo trạng số: 11/CT – VKSKV7 ngày 28/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến hoạt động quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, gây tác hại đến môi trường sinh thái. Do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo đồng thời để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền tại Thi

hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, mẹ đẻ của bị cáo là bà Hà Thị T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bố của bị cáo là ông Ma Văn H được tặng Huy chương vì giai cấp nông dân Việt Nam nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính thì theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo xác định bị cáo là lao động tự do, không có việc làm tạo ra thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do vậy, không xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường về lâm sản bị thiệt hại với số tiền là 2.905.400 đồng, tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Quá trình điều tra bị cáo đã nộp đủ số tiền 2.905.400 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo nộp khoản tiền bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật cần được ghi nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường, do Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xã Y, tỉnh Thái Nguyên không đủ cơ sở để định giá thiệt hại về môi trường của khu vực rừng bị phát phá trái pháp luật. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự từ chối định giá theo Yêu cầu định giá tài sản số A1216/YC-CSKT ngày 10/3/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên theo quy định. Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các loại tài sản được tạm giữ gồm: 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao phay, có chiều dài 53cm, dao cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T; 01

(một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm, có chiều dài 47cm, dao cũ đã qua sử dụng của Hầu Thị M; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm, có chiều dài 52,5cm, dao cũ đã qua sử dụng của Lầu A T1; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm, có chiều dài 49cm, dao cũ đã qua sử dụng của Thảo Thị D đều thuộc sở hữu lần lượt của ông T, bà M, ông T1 và bà D. Tuy nhiên, ông T, bà M, ông T1 và bà D không yêu cầu được trả lại và xác định các loại tài sản trên không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) quyển sổ màu đen có bìa nhựa màu đen đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu S01, tạm giữ của Ma Văn H bên trong có ghi nội dung thỏa thuận thuê phát phá rừng giữa Ma Văn H và Hoàng Văn T, hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số lâm sản bị thiệt hại gồm: 16 (mười sáu) cây gỗ rừng tự nhiên đã bị chặt hạ còn nguyên thân, cành, ngọn có tổng khối lượng là 2,208m³ (hai phẩy hai không tám mét khối) và 2.167 (hai nghìn một trăm sáu mươi bảy) cây vầu bị chặt hạ còn để lại tại hiện trường (hiện đang được Ủy ban nhân dân xã Yên P, tỉnh Thái Nguyên trông coi, quản lý) cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với tổng số tiền 16.000.000 đồng của bị cáo Ma Văn H trả công cho những người phát rừng thuê là ông Hoàng Văn T, ông Lầu A T1, bà Hầu Thị M và bà Thảo Thị D. Xác định là tiền bị cáo trả công lao động chính đáng cho người làm thuê không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với số tiền 2.905.400đ (*hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm đồng*) bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

[9] Trong vụ án này còn có bà Hoàng Thị H (vợ của bị cáo Ma Văn H), là người cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích rừng bị phát phá trái phép. Tuy nhiên, qua điều tra xác định việc bị cáo thuê người phát phá khu vực rừng nêu trên bà H không biết nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với bà H là có căn cứ.

Đối với ông Hoàng Văn T, ông Lầu A T1, bà Hầu Thị M1 và bà Thảo Thị D được Ma Văn H1 thuê để phát rừng. Bản thân họ đều là người dân tộc thiểu số, không biết đọc biết viết, nhận thức còn hạn chế, quá trình xác minh tại địa phương không có tài liệu thể hiện việc được tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng; không biết đây là rừng tự nhiên, không biết cây rừng tự nhiên là cấm không được chặt, phá. Trước khi thực hiện việc phát dọn rừng thì Ma Văn H có cho những người này xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H và cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phát dọn đối với khu vực rừng nêu

trên nhằm tạo lòng tin cho những người này thực hiện việc phát dọn. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông T, ông T1, bà M và bà D là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Ma Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn H phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Ma Văn H 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ma Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ma Văn H phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn dân sự là Ủy Ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên để sung quỹ Nhà nước với số tiền là 2.905.400đ (*hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm đồng*), được khấu trừ vào số tiền 2.905.400đ (*hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm đồng*) mà bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo Biên lai thu tiền số: 0000374 ngày 13 tháng 4 năm 2026.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao phay có chiều dài 53cm, trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 26cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 6,3cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hoàng Văn T; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm có chiều dài 47cm (trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 28,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài

18,5cm), bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 3,8cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hầu Thị M; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm có chiều dài 52,5cm, trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 27,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 4,8cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Lầu A T1; 01 (một) con dao bằng kim loại dạng dao quắm có chiều dài 49cm, trong đó phần chuôi dao bằng kim loại có tra thêm cán gỗ dài 28cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 21cm, bản rộng lớn nhất phần lưỡi dao 3,3cm, dao cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Thảo Thị D.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - Thái Nguyên).

- Giao 16 (mười sáu) cây gỗ rừng tự nhiên đã bị chặt hạ còn nguyên thân, cành, ngọn, có tổng khối lượng là 2,208m³ và 2.167 cây vầu bị chặt hạ tại hiện trường (đang được Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên trông coi, quản lý) cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên xử lý theo quy định pháp luật.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển sổ màu đen có bìa nhựa màu đen đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu S01, tạm giữ của Ma Văn H bên trong có ghi nội dung thỏa thuận thuê phát phá rừng giữa Ma Văn H và Hoàng Văn T, hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Ma Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 7 – Thái Nguyên;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an tỉnh Thái Nguyên
- Phòng THADSKV7 -Thái Nguyên;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Văn Mẫn